

QUYẾT ĐỊNH
**V/v ban hành Quy định một số điểm về điều hành dự toán
ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quyết định phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2018.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 203/STC-QLNS ngày 26/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số điểm về điều hành dự toán Ngân sách Nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2018.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị của tỉnh và UBND các huyện, thành phố thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị của tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (để BC);
- Thường trực HĐND tỉnh (để BC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP5.

NN/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



QUY ĐỊNH

Một số điểm điều hành dự toán Ngân sách Nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2018
(Kèm theo Quyết định số 339 /QĐ-UBND ngày 12 /02/2018 của UBND tỉnh)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ngân sách Nhà nước (NSNN) được quy định cụ thể tại Luật Ngân sách Nhà nước gày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Năm 2018 là năm thứ hai trong thời kỳ ổn định ngân sách (giai đoạn 2017-2020) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 (sau đây gọi tắt là Luật ngân sách nhà nước), thực hiện ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Trường hợp đặc biệt phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách tác động tăng thu ngân sách địa phương lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên và sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên địa bàn có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng các khoản vốn, kinh phí do nhà nước cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả.

**CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Tổ chức quản lý thu NSNN.

1. Tổ chức thực hiện đúng quy định tại Điều 55 Luật Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành.

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện liên thông văn bản điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử và Nghị quyết số

35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh.

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chính sách của Chính phủ về những giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kích thích đầu tư và tiêu dùng. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, Tài chính Ngân sách năm 2018 của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 09/01/2018 về tăng cường cải cách hành chính, tập trung cải cách thủ tục hành chính, triển khai có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy SXKD phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển nhanh, bền vững, trong đó tập trung vào các dự án lớn, có ưu thế về tăng trưởng kinh tế và nguồn thu lâu dài cho NSNN.

2. Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Quản lý hoàn thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật, điều hành hoàn thuế GTGT trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao năm 2018; đồng thời tạo điều kiện cho người nộp thuế; thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước. Thực hiện rà soát các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, giao cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào NSNN.

- Thường xuyên theo dõi, phân tích, đánh giá cụ thể kết quả thu, dự báo tình hình SXKD và những yếu tố tác động; chỉ rõ những nguồn thu, đơn vị, địa bàn thu thấp, xác định rõ nguyên nhân, trên cơ sở đó đề ra giải pháp điều hành thu phù hợp. Đồng thời chỉ ra những khoản thu, địa bàn còn tiềm năng, để dồn sức chống thất thu, khai thác tăng thu. Tiếp tục triển khai các chính sách ưu đãi thuế theo quy định tạo điều kiện cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định SXKD. Thực hiện thu đúng, kịp thời các nguồn thu phát sinh, động viên hợp lý các khoản thu vào NSNN, nhằm khuyến khích SXKD phát triển, tăng tích lũy, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

- Triển khai đồng bộ, linh hoạt và có hiệu quả các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định nhằm hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng nợ đọng thuế. Cục Thuế tỉnh phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, các Ban quản lý dự án, UBND các huyện, thành phố thực hiện khấu trừ tiền nợ thuế thông qua giải ngân vốn đối với các doanh nghiệp chây ỳ, nợ thuế. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cập nhật trên trang Website của ngành thuế các trường hợp nợ đọng thuế lớn, kéo dài.

- Tiếp tục thực hiện đề án: "Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu thuế trong lĩnh vực XDCCB và khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình" và Đề án: "Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu thuế trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình" nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và quản lý triệt để nguồn thu phát sinh, chống thất thu NSNN, đặc biệt là đối với các nguồn thu từ lĩnh vực kinh doanh nhà hàng khách sạn, xây dựng cơ bản, xăng dầu, dược phẩm, khai thác khoáng sản và tiêu thụ công nghiệp, thu phí tham quan...

3. Để đảm bảo ổn định trong việc điều hành NSNN, nâng cao trách nhiệm, tính chủ động, công khai minh bạch trong việc quản lý nguồn thu và thực hiện tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh, cơ quan Thuế và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm:

- Cục Thuế tỉnh gửi danh bạ các DNNN Trung ương, DNNN địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân có sản xuất kinh doanh khác đăng ký kê khai nộp thuế vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (được giao nhiệm vụ thu theo Quyết định giao dự toán hàng năm của UBND tỉnh) đến UBND tỉnh, KBNN tỉnh và Sở Tài chính ngay sau khi UBND tỉnh có quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm, làm cơ sở để thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

- Chi cục Thuế các huyện, thành phố gửi danh bạ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân có sản xuất kinh doanh khác đăng ký kê khai nộp thuế vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật (được giao nhiệm vụ thu theo Quyết định giao dự toán hàng năm của UBND các huyện, thành phố) đến UBND cấp huyện, KBNN nơi giao dịch và Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố tương ứng ngay sau khi UBND các huyện, thành phố có quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm, làm cơ sở để thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

- Kho bạc Nhà nước các cấp căn cứ danh sách doanh nghiệp do cơ quan thuế gửi đến để thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

Trong năm ngân sách, nếu có sự thay đổi về việc đăng ký kê khai nộp thuế vào ngân sách tỉnh hay ngân sách huyện của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức kinh doanh khác thì vẫn thực hiện tỷ lệ phân chia các khoản thu của doanh nghiệp đó như đầu năm. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, cơ

quan Thuế có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính làm căn cứ thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

4. Chế độ báo cáo tình hình, kết quả thu ngân sách.

- Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Hải quan Hà Nam Ninh báo cáo tình hình thu NSNN (số lũy kế đến hết tháng trước) trên địa bàn, trong đó chi tiết tình hình, kết quả thu của từng đơn vị thu, của các doanh nghiệp lớn, trọng điểm (tên doanh nghiệp, dự toán giao, số thuế phát sinh phải nộp, số nợ thuế, số thuế đã nộp, số thuế chưa nộp, lý do chưa nộp, số nợ thuế, giải pháp thu nợ đọng thuế...); tỷ lệ phần trăm hoàn thành kế hoạch, so sánh tốc độ tăng trưởng với cùng kỳ năm trước; phân tích nguyên nhân biến động số thu (tăng, giảm). Riêng tháng 12, yêu cầu báo cáo hàng tuần, tuần cuối tháng 12 yêu cầu báo cáo hàng ngày, đề xuất giải pháp, báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo.

- Định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 05 của tháng đầu quý sau), Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh căn cứ số thu NSNN trên địa bàn để xác định số thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo quy định, báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo công tác thu ngân sách đảm bảo số thu cân đối ngân sách tỉnh. Riêng tháng 10 và tháng 11, yêu cầu báo cáo hàng tháng; tháng 12, yêu cầu cập nhật báo cáo hàng tuần.

- Đối với thu tiền sử dụng đất: Hàng tháng UBND các huyện, thành phố lập báo cáo chi tiết việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất chi tiết từng xã, phường, thị trấn, báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 2/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, đặc biệt là công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất; chuyển nhượng, cho thuê quyền khai thác tài sản công, xử lý tài sản công; đấu giá tài sản công và quyền sử dụng đất để bảo đảm thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định, tránh thất thoát, lãng phí tài sản công. Thực hiện rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Tổ chức điều hành dự toán chi NSNN.

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; Cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó lưu ý:

1. Đối với nhiệm vụ đột xuất phát sinh ngoài kế hoạch:

- Đối với nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác mà sau khi sắp xếp lại ngân sách đã giao, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn: Đơn vị có văn bản gửi Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh phương án giải quyết.

- Đối với các nhiệm vụ phát sinh khác: Các nhiệm vụ đã có ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh thì Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Các nhiệm vụ đột xuất khác, đơn vị chủ động sắp xếp lại các khoản chi trong dự toán được giao để thực hiện. Cuối mỗi quý, UBND tỉnh sẽ xem xét, giải quyết việc cấp bổ sung kinh phí của các đơn vị trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Đối với cơ quan, đơn vị của tỉnh hàng quý (chậm nhất là ngày 05 của tháng đầu quý sau) báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý, chi tiết từng nhiệm vụ chi, số dự toán giao (giao đầu năm, cấp bổ sung trong năm và số điều chỉnh dự toán), số kinh phí đã chi, số kinh phí thừa, thiếu... có lũy kế từ đầu năm đến hết quý báo cáo, gửi Sở Tài chính. Giao Sở Tài chính kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10 của tháng đầu quý sau. Riêng tháng 10 và tháng 11 yêu cầu báo cáo hàng tháng, tháng 12 yêu cầu báo cáo vào các ngày 10, 20 và 31 để UBND tỉnh kịp thời điều hành NSNN đảm bảo hiệu quả.

2. Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các địa phương cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, cấp dưới; kiểm soát chặt chẽ dự toán chi ngân sách nhà nước nhất là kinh phí họp, hội nghị, hội thảo, tiếp khách, đi công tác trong nước, nước ngoài, lễ hội, mua sắm trang thiết bị đắt tiền của các đơn vị dự toán theo tinh thần tiết kiệm. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ. Khi phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách không đúng chế độ, chính sách, nhất là các chính sách liên quan đến thực hiện các chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và có hiệu quả.

4. Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện giảm mức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở mức điều chỉnh giá dịch vụ công.

Điều 6. Đối với các đơn vị sử dụng NSNN.

1. Đối với dự toán đầu năm được UBND các cấp giao, các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán chi tiết theo mục lục ngân sách gửi 01 bộ cho cơ quan Tài

chính để thẩm tra (đối với đơn vị trực thuộc thì đồng thời gửi 01 bộ cho cơ quan quản lý cấp trên). Căn cứ vào thông báo kết quả thẩm tra của cơ quan Tài chính các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo chế độ, định mức chi tiêu ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ.

Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm túc việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản có tính chất không thường xuyên khác thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện theo chế độ quy định và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các quyết định bổ sung phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán chi tiết gửi cơ quan Tài chính để thẩm định và ra thông báo. Căn cứ vào thông báo của cơ quan Tài chính các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo chế độ, định mức chi tiêu ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ.

3. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước cụ thể như sau:

1. Đối với bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố được giao tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh, phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố chủ động thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước theo nguyên tắc hàng tháng không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm.

Riêng tháng 01 do nguồn thu còn thấp và nhiệm vụ chi lớn nên mức rút dự toán cao hơn các tháng khác, song không được vượt quá 12% tổng mức bổ sung cân đối cả năm. Phần còn lại được chia đều cho 11, hàng tháng mức rút dự toán không vượt quá 1/11 của phần còn lại sau khi trừ đi số đã rút của tháng 1 và hạch toán vào khoản thu, chi bổ sung cân đối.

Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán bổ sung cân đối, UBND các huyện, thành phố phải có văn bản đề nghị UBND tỉnh và Sở Tài chính xem xét, quyết định. Giao Sở Tài chính căn cứ vào điều kiện thực tế xem xét, thông báo cho UBND các huyện, thành phố mức tăng tiến độ rút dự toán bổ sung cân đối. Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính, phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, đồng thời Kho bạc Nhà nước thực hiện và trừ vào tổng mức bổ sung cân đối, các tháng tiếp theo vẫn cho rút dự toán theo mức bình quân trên cho đến khi hết dự toán.

2. Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện (gồm cả bổ sung có mục tiêu để chi XDCB và chi thường xuyên theo dự toán được giao tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh và các khoản bổ sung có mục tiêu phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách): Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện về Sở Tài chính. Giao Sở Tài chính căn cứ vào báo cáo khối lượng của Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố để thông báo mức rút bổ sung cụ thể cho UBND các huyện, thành phố. Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

3. Trường hợp trong năm ngân sách tỉnh ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách huyện, thành phố, khi rút dự toán ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Căn cứ vào các khoản bổ sung có mục tiêu UBND tỉnh đã giao, UBND các huyện, thành phố thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo đúng mục tiêu. Các huyện, thành phố thực hiện lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu trên địa bàn theo chế độ quy định để phát huy hiệu quả sử dụng ngân sách; ngoài nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách cấp mình và các nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện.

- Định kỳ hàng quý, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố. Trường hợp huyện, thành phố không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không đúng và đầy đủ theo quy định, Sở Tài chính sẽ tạm dừng cấp kinh phí bổ sung cho huyện, thành phố cho đến khi có báo cáo đầy đủ.

- Trong quá trình điều hành ngân sách, UBND các huyện, thành phố được bổ sung kinh phí có mục tiêu cần khẩn trương phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, kịp thời; tránh việc chuyển nguồn sang năm sau không đúng quy định.

- Kết thúc năm ngân sách, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh về Sở Tài chính. Trường hợp, số đã rút dự toán đối với các nhiệm vụ chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố sử dụng không hết, đề nghị UBND các huyện, thành phố có báo cáo gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết cụ thể.

5. Kho bạc nhà nước các cấp:

- Căn cứ giấy rút dự toán ngân sách của cơ quan tài chính đối với bổ sung cân đối, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch kiểm tra tổng mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho các huyện, thành phố được giao tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh, trong giới hạn rút vốn hàng tháng, sau đó hạch toán chi bổ sung cân đối ngân sách cấp trên, thu bổ sung cân đối ngân sách cấp dưới theo đúng Mục lục NSNN.

- Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính đối với các khoản bổ sung có mục tiêu, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố được giao tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh và các Quyết định của UBND tỉnh phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, sau đó hạch toán chi bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên, thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp dưới như quy định đối với các khoản bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

- Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện, thành phố thực hiện tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp về kết quả rút dự toán chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước. Trường hợp phát hiện việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của cơ quan tài chính không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính biết, đồng thời tạm dừng việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Điều 8. Đối với bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho cấp xã: Thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện.

Điều 9. Quản lý vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ nguồn chương trình MTQG và nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

1. Tất cả các dự án được giao kế hoạch đầu tư XDCB năm 2018 chỉ được thực hiện khối lượng theo mức vốn kế hoạch giao, để không gây nợ đọng XDCB.

2. Tiếp tục thực hiện văn bản số 539/UBND-VP4 ngày 16/11/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, văn bản số 351/UBND-VP4 ngày 17/7/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, việc cấp phát thanh toán vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương phải theo khối lượng thực hiện.

3. Báo cáo nhu cầu vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư hàng quý (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ)

Căn cứ kế hoạch vốn cả năm của UBND tỉnh giao, số vốn được tạm ứng theo chế độ và tiến độ thực hiện dự án, tham khảo kết quả thanh toán vốn đầu tư hàng tháng, chủ đầu tư lập báo cáo nhu cầu vốn theo quý trong đó có chi tiết cho từng dự án (theo mẫu đính kèm) gửi về Sở Tài chính trước ngày 25 của tháng cuối quý trước.

Trường hợp chủ đầu tư không gửi báo cáo nhu cầu vốn đầu tư XDCB quý về Sở Tài chính trước thời hạn nêu trên coi như không có nhu cầu vốn đầu tư XDCB trong quý, Sở Tài chính sẽ không cân đối nguồn vốn để thanh toán cho dự án trong quý đó.

4. Nhập dự toán chi đầu tư XDCB vào Hệ thống TABMIS để Kho bạc Nhà nước tỉnh thanh toán cho các dự án

Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư XDCB được giao hàng năm và báo cáo nhu cầu vốn của chủ đầu tư, Sở Tài chính thực hiện các giải pháp để đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án và tổ chức nhập dự toán chi đầu tư XDCB vào hệ thống TABMIS cho từng dự án, đồng thời thông báo vốn đầu tư cho các chủ đầu tư và KBNN nơi thanh toán chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục NSNN theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách. Đối với các dự án được bố trí vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết việc nhập dự toán chi vào Hệ thống TABMIS thực hiện theo tiến độ thu ngân sách hàng tháng. Riêng đối với nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh, thực hiện cấp phát theo tiến độ thu, thứ tự ưu tiên: Bố trí vốn cho các dự án thuộc danh mục dự kiến bố trí trong trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 đã có đầy đủ quyết định đầu tư, các chương trình, dự án quan trọng quốc gia, dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2018, hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, vốn đối ứng cho các chương trình, dự án ODA và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thanh toán nợ XDCB; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, nếu còn nguồn mới xem xét bố trí cho dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số thu xổ số kiến thiết, tiền đất không hoàn thành dự toán, đồng thời thu cân đối ngân sách cấp tỉnh cũng bị giảm thu tổng thể, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phương án thực hiện cắt giảm, hoặc giãn tiến độ thực hiện công trình, dự án được bố trí chi từ nguồn thu này.

Đối với dự án sử dụng nguồn vốn vay theo Khoản 5 Điều 7 Luật NSNN đã được HĐND tỉnh quyết định thì việc nhập dự toán chi vào Hệ thống TABMIS căn cứ theo Thông báo mức vốn vay của Bộ Tài chính, Hợp đồng vay vốn giữa tỉnh và đơn vị cho vay vốn được ký kết, số vốn vay đã thực thu vào ngân sách tỉnh và nhu cầu vốn của chủ đầu tư.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình và việc quản lý, sử dụng vốn của chủ đầu tư. Đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ hoặc chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng mục đích phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi về NSNN hoặc điều chuyển vốn cho những dự án có tiến độ thi công nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2018 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

6. Việc quản lý, thanh quyết toán kinh phí NSNN hỗ trợ mua vật liệu cho xã để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn liên ngành số 1431/LCQ/STC-KBNN ngày 24/10/2012 của Liên cơ quan Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh.

7. Trước ngày 28 tháng cuối quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các chủ đầu tư báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện, giải ngân vốn XDCB của các dự án của tỉnh sử dụng vốn NSNN.

Điều 10. Thực hiện cơ chế sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, sử dụng một phần từ nguồn thu này để thực hiện công tác quy hoạch, quản lý đất đai, sớm hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trong dự toán ngân sách địa phương và sử dụng toàn bộ nguồn thu này cho đầu tư phát triển, trong đó: bố trí tối thiểu 60% dự toán thu xổ số kiến thiết được HĐND tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế, tối thiểu 10% dự toán thu để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết so với dự toán HĐND tỉnh giao, UBND các cấp địa phương chủ động lập phương án phân bổ chi đầu tư cho các công trình quan trọng của địa phương, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu, báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND kết quả thực hiện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Từ ngày 01/7/2018, thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,3 triệu đồng/tháng lên 1,39 triệu đồng/tháng. Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh báo cáo nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí cho đơn vị. Các huyện, thành phố tiếp tục bố trí ngân sách và thực hiện cơ chế tài chính tạo nguồn để thực hiện chế độ cải cách tiền lương theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Trường hợp đã thực hiện các biện pháp tạo nguồn theo quy định mà không đủ nguồn thì có văn bản báo cáo UBND tỉnh và Sở Tài chính để cấp bổ sung từ ngân sách tỉnh đảm bảo nguồn thực hiện.

Điều 12. Trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước, trường hợp có sự thay đổi về thu, chi đơn vị thực hiện điều chỉnh như sau:

1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách.

1.1. Trường hợp cần điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp có trách nhiệm thuyết minh sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, gửi cơ quan tài chính cùng cấp (kèm theo xác nhận của Kho bạc Nhà nước về số dư dự toán đối với đơn vị phải giảm dự toán).

Giao cơ quan Tài chính kiểm tra căn cứ, số dư dự toán và cho ý kiến bằng văn bản gửi đơn vị dự toán thực hiện điều chỉnh giảm, đơn vị dự toán được điều chỉnh tăng, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, cấp phát, thanh toán. Đồng thời, cơ quan Tài chính thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống TABMIS.

1.2. Trường hợp điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ; kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên; điều chỉnh nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí

được giao không tự chủ, không thường xuyên nhưng đã được ghi chú theo nhiệm vụ chi trong Quyết định giao dự toán đầu năm hoặc Quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của UBND các cấp, đơn vị báo cáo cơ quan tài chính. Giao cơ quan Tài chính căn cứ vào điều kiện thực tế cho ý kiến bằng văn bản để thực hiện, đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao.

1.3. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.

1.4. Đối với nguồn thu được để lại chi tại các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nếu có số thu tăng so với dự toán giao đầu năm, yêu cầu các đơn vị lập dự toán chi bổ sung (nếu có) gửi cơ quan Tài chính để thẩm định. Giao cơ quan Tài chính căn cứ vào điều kiện thực tế thông báo cho đơn vị để thực hiện theo quy định.

1.5. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

2. Đối với ngân sách các cấp.

2.1. Nếu có số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp tăng so với dự toán được giao (trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên theo quy định tại điểm d Khoản 7 Điều 9 Luật NSNN) sau khi thực hiện cấp lại cho ngân sách cấp dưới; trích lập nguồn để thực hiện chế độ cải cách tiền lương theo quy định, phần vượt thu còn lại và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán, cơ quan Tài chính (cấp tỉnh, cấp huyện) lập phương án sử dụng đối với từng nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên tại Khoản 2 Điều 59 Luật NSNN trình UBND cùng cấp báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; đối với cấp xã, cơ quan Tài chính cấp xã trình UBND cấp xã thống nhất với Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐND cấp xã quyết định.

2.2. Trong trường hợp số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp không đạt dự toán, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng phương án điều chỉnh giảm chi tương ứng, tập trung cắt giảm hoặc giãn, hoãn những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 13. Dự phòng ngân sách.

1. Dự báo tình hình thu NSNN năm 2018 còn khó khăn, đề phòng trường hợp thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số) hụt so với dự toán; vì vậy, thực hiện tiết kiệm triệt để chi tiêu ngân sách, phân đầu dành 40% nguồn dự phòng ngân sách để xử lý cuối năm khi nguồn thu không đạt dự toán.

2. Dự phòng ngân sách được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán;

b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c Khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách:

- Đối với dự phòng ngân sách các cấp: Sau khi nhận được văn bản đề nghị bổ sung kinh phí (kèm theo dự toán chi tiết) của các cấp, các ngành các đơn vị, Cơ quan Tài chính căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức thẩm định trình UBND cùng cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực HĐND và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

- Cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm tổng hợp tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với cấp xã, UBND xã báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND hàng quý và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

Điều 14. Quản lý và sử dụng Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh:

1. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính làm chủ tài khoản gửi tại Kho bạc Nhà nước và được Kho bạc Nhà nước trả lãi tiền gửi theo mức lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước trả cho Kho bạc nhà nước, khoản lãi này được bổ sung vào Quỹ.

2. Số dư của quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh không được vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp tỉnh, không bao gồm số chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

3. UBND tỉnh quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để xử lý cân đối ngân sách trong các trường hợp:

- Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách.

- Trường hợp thu NSNN hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán được HĐND quyết định và cần thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán; sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của Quỹ. Việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính trong trường hợp này được thực hiện theo phương thức chuyển từ quỹ dự trữ tài chính vào thu NSNN để thực hiện nhiệm vụ chi đã được quyết định.

Điều 15. Xử lý số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán

Số tăng thu, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;

- Bổ sung quỹ dự trữ tài chính;
- Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
- Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
- Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
- Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước.

Cơ quan Tài chính lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình trình UBND cùng cấp, báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại Khoản 6 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ. Đối với cấp xã, UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND.

Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 16. Xử lý số dư dự toán ngân sách.

1. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán NSNN năm 2018; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính (Điều 26).

2. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, ý kiến của cơ quan tài chính, UBND cấp xã thực hiện rà soát, xử lý chuyển số dư ngân sách nhà nước sang năm sau theo quy định.

Điều 17.

1. Quy trình cấp lại phần vượt thu ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 của HĐND tỉnh:

1.1. Kết thúc năm 2018, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp số liệu thu NSNN, nếu có số tăng thu phần điều tiết cho ngân sách tỉnh thì chậm nhất là ngày 15/01/2019 gửi báo cáo về Sở Tài chính và UBND tỉnh.

1.2. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Tài chính đối chiếu số liệu do các huyện, thành phố báo cáo với KBNN tỉnh để xác định số tăng thu phần điều tiết cho ngân sách tỉnh so với dự toán được giao của từng huyện, thành phố và cấp lại cho các huyện, thành phố bằng hình thức thông báo trợ cấp bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố xong trước ngày 20/01/2019.

2. Ngân sách tỉnh cấp lại khoản thu từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất cho các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

2.1. Các xã đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 tổng hợp số liệu thu tiền từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó chi tiết số phân chia cho từng cấp ngân sách

theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 của HĐND tỉnh (có xác nhận của Kho bạc nhà nước huyện) gửi về UBND các huyện, thành phố và Phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố.

2.2. Phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố đối chiếu số liệu báo cáo của các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 với Kho bạc Nhà nước cấp huyện; tổng hợp số liệu thu tiền từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất của các xã, trong đó chi tiết số phân chia cho từng cấp ngân sách theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 của HĐND tỉnh đến từng xã (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước cấp huyện), gửi Sở Tài chính trước ngày 15/01/2019. Sau ngày 15/01/2019 các huyện, thành phố chưa có báo cáo thì coi như không có nhu cầu cấp lại số thu từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất cho các xã.

2.3. Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Tài chính thẩm định và cấp bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố tương ứng với số tiền thu được từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất đã phân chia cho ngân sách tỉnh (bao gồm cả 15% kinh phí trích quỹ phát triển đất) của các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 theo đúng quy định, xong trước ngày 20/01/2019 và tổng hợp kết quả chung toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/01/2019.

Điều 18. Kết dư ngân sách.

1. Kết dư ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

2. Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau (100%).

Điều 19. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng:

Cùng với thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này, các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng NSNN sai chế độ, chính sách.

Điều 20. Thực hiện công khai tài chính, NSNN:

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai tài chính, NSNN theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Các đơn vị sử dụng NSNN, các tổ chức được NSNN hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ.

3. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 03 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng tài sản nhà nước thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

7. Việc công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách được công khai trong chuyên mục công khai trên Trang/Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố lập chuyên mục công khai ngân sách trên Trang/Cổng thông tin điện tử để công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách theo quy định, trong đó tạo lập các chuyên mục con theo các nội dung công khai sau:

- Dự toán ngân sách địa phương trình HĐND;
- Dự toán ngân sách địa phương đã được HĐND quyết định;
- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương trong năm (quý, 06 tháng, 09 tháng, năm);
- Quyết toán ngân sách địa phương đã được HĐND phê chuẩn;
- Tổng hợp tình hình công khai.

8. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thiết lập trên Trang/Cổng thông tin điện tử của mình (đối với những đơn vị đã có Trang/Cổng thông tin điện tử), đồng thời chỉ đạo các đơn vị dự toán trực thuộc (đối với những đơn vị đã có Trang/Cổng thông tin điện tử) lập chuyên mục công khai ngân sách trên Trang/Cổng thông tin điện tử để công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách theo quy định, trong đó tạo lập các chuyên mục con theo các nội dung công khai sau:

- Dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao;
- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách trong năm (quý, 06 tháng, 09 tháng, năm);
- Quyết toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Tổng hợp tình hình công khai.

9. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Quy định này có hiệu lực thi hành trong năm ngân sách năm 2018, được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 22. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị của tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, điều chỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

